

0.a. Goal

Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 4.7: Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả những người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững (Mục tiêu 4.7 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 4.7.2. Tỷ lệ trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.f. Contact mail

Số 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội

1.g. Contact email

bogddt@moet.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV là tỷ lệ phần trăm số trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV trong tổng số trường của cấp học đó.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

Chế độ báo cáo thống kê do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3.b. Data collection method

Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo số liệu theo biểu mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Căn cứ số liệu từ các Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp số liệu của chỉ tiêu.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Bộ Giáo dục và Đào tạo

3.f. Data compilers

Bộ Giáo dục và Đào tạo

4.a. Rationale

Giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại, cung cấp kiến thức về HIV đang là vấn đề được được cả xã hội quan tâm, vì vậy việc đưa các chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại, cung cấp kiến thức về HIV vào giảng dạy tại các trường học là rất vô cùng cần thiết. Thể hiện sự quan tâm của xã hội với việc giáo dục cho trẻ hiểu biết về vấn đề giới tính, bạo lực, xâm hại, cung cấp kiến thức về HIV để trẻ có thể tự bảo vệ bản thân.

4.b. Comment and limitations

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo: Các chương trình giáo dục các cấp hiện đã bước đầu lồng ghép kiến thức cần thiết về phát triển bền vững và biến đổi khí hậu trong các môn học có liên quan như Ngữ văn, lịch sử, địa lý, giáo dục công dân. Phương thức lồng ghép hiện được thực hiện thông qua lựa chọn một số nội dung về phát triển bền vững như: bình đẳng giới, xây dựng gia đình hạnh phúc và tiến bộ, quyền trẻ em, phòng chống ma túy HIV/AIDS, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống tham nhũng... để đưa vào chương trình giảng dạy chính khóa hoặc ngoại khóa ở tất cả các cấp học.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\frac{\text{Tỷ lệ trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV cấp học n (\%)}}{\text{Số trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV cấp học n}} = \frac{\text{Tổng số trường của cấp học n}}{\text{Tổng số trường của cấp học n}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

- Chỉ có số liệu chung của năm 2019
- Không có số liệu theo các phân tổ của chỉ tiêu.

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Số liệu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này phản ánh các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (mục tiêu 4.7), không có trong Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>